

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2020/KDTM-PT**

Ngày 09- 03- 2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Thẩm phán: 1/. Ông Phạm Hùng Nuôi.

2/. Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn T - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Lê Văn Ninh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 01 năm 2020, về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Do bản án sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 03/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 03 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: Số 2 L, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Mã Hà Bửu N, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh Doanh Ngân hàng N – Chi nhánh huyện D. Địa chỉ: Số 2 T, ấp C, thị trấn D, huyện D, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Hồ Văn K, sinh năm 1957 (có mặt);

2.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Nguyễn T, xã Đ, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Hồ Thị Cẩm H, sinh năm 1978 (vắng mặt);

3.2. Chị Hồ Thị Phi Y, sinh năm 1984 (vắng mặt);

3.3. Chị Hồ Thị Phi V, sinh năm 1987 (vắng mặt);

3.4. Chị Hồ Thị Ngọc T, sinh năm 1989 (vắng mặt);

3.5. Chị Hồ Thị Mỹ P, sinh năm 1990 (vắng mặt);

3.6. Chị Hồ Thị Ngọc Q, sinh năm 1991 (vắng mặt);

3.7. Hồ Thị Mỹ N, sinh năm 1996 (có mặt);

3.8. Anh Hồ Quang S, sinh năm 1997 (có mặt);

3.9. Anh Cao Hoài N, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Nguyễn T, xã Đ, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

** Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Hồ Văn K và người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thị Cẩm H, chị Hồ Thị Phi Y, chị Hồ Thị Phi V, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Mỹ P, chị Hồ Thị Ngọc Q, chị Hồ Thị Mỹ N, anh Hồ Quang S và anh Cao Hoài N: Anh Hồ Hữu P, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 8 K, khóm 6, phường 4, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).*

4- Người kháng cáo: Ông Hồ Hữu P là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Hồ Văn K và người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thị Cẩm H, chị Hồ Thị Phi Y, chị Hồ Thị Phi V, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Mỹ P, chị Hồ Thị Ngọc Q, chị Hồ Thị Mỹ N, anh Hồ Quang S và anh Cao Hoài N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1/- Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02 tháng 8 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để nuôi tôm nên ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị T có ký với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D, tỉnh Sóc Trăng (gọi tắt là Ngân hàng) các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số: 23CJ01/HĐTD ngày 02/12/2003, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày 13/12/2003. Hạn mức mức tín dụng (cho vay) là: 170.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 13.8%/năm, lãi suất quá hạn 20.88%/năm. Đối với hợp đồng này, khi đến hạn thanh toán vốn gốc thì phía bị đơn ông K, bà T chưa có khả năng thanh toán nên phía Ngân hàng có tạo điều kiện cho ông K, bà T gia hạn thêm thời gian trả nợ gốc và lãi vào ngày 05/12/2005, nhưng qua hết thời gian gia hạn thì phía bị đơn vẫn chưa có khả năng thanh toán nợ. Cho nên để tránh việc vốn vay chuyển sang nợ xấu, Ngân hàng đã cho bị đơn ký lại Hợp đồng tín dụng mới số: 29CJ36/HĐTD vào ngày 28/12/2009, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày

28/12/2009. Hạn mức mức tín dụng (cho vay) là: 170.000.000 đồng (số tiền này là lấy từ số tiền vốn 170.000.000 đồng của Hợp đồng tín dụng vào ngày 02/12/2003 chuyển sang), lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn 15.6%/năm. Tuy nhiên, sau khi Ngân hàng cho phía bị đơn ký kết lại hợp đồng tín dụng nêu trên và sau khi đến hạn thanh toán cuối cùng của hợp đồng tín dụng này thì bị đơn vẫn không thực hiện được việc trả nợ cho Ngân hàng, nên Ngân hàng tiếp tục tạo điều kiện cho bị đơn ký lại Hợp đồng tín dụng số: 117J03/27/HĐTD ngày 27/7/2011, Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 27/7/2011. Hạn mức tín dụng (cho vay) là: 250.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 20%/năm, lãi suất quá hạn 26%/năm để tránh nợ quá hạn. Tuy nhiên, số tiền vốn vay thực tế của hợp đồng này là chuyển số tiền vốn vay 170.000.000 đồng từ Hợp đồng tín dụng đã ký vào năm 2009 sang.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông K và bà T có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/HĐTC ngày 27/7/2011 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D, tỉnh Sóc Trăng với ông K và bà T, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số M 123738, diện tích 29.851m², thuộc thửa số 369, 375 và 404; tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Nguyễn T, xã Đ, huyện D, tỉnh Sóc Trăng (do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là Ủy ban nhân dân huyện D), tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Hồ Văn K.

Tuy nhiên, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với bị đơn để thanh toán nợ gốc và lãi đối với các hợp đồng tín dụng nêu trên nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng. Tính đến 19/11/2019, ông K và bà T còn nợ:

- Hợp đồng tín dụng số: 23CJ01/HĐTD ngày 02/12/2003, dư nợ: 0 đồng, lãi trong hạn: 0 đồng, lãi quá hạn: 163.692.704 đồng (tính từ ngày 12/06/2005 đến 27/7/2011);

- Hợp đồng tín dụng số: 29CJ36/HĐTD ngày 28/12/2009, dư nợ: 100.000 đồng, lãi trong hạn: 20.513.333 đồng (tính từ ngày 28/12/2009 đến 25/12/2010), lãi quá hạn: 16.485.257 đồng (tính từ ngày 26/12/2010 đến ngày 19/11/2019)

- Hợp đồng tín dụng số: 117J03/27/HĐTD ngày 27/7/2011, dư nợ: 170.000.000 đồng, lãi trong hạn: 116.790.000 đồng (tính từ ngày 04/8/2011 đến ngày 25/7/2015), lãi quá hạn: 67.810.167 đồng (tính từ ngày 26/7/2015 đến ngày 19/11/2019).

Tổng cộng nợ gốc, lãi của 03 hợp đồng nêu trên tính đến ngày 19/11/2019 là: 555.391.461 đồng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Toà án nhân dân huyện D buộc ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị T hoàn trả hết số nợ gốc và lãi phát sinh tại các hợp đồng tín dụng nêu trên cho Ngân hàng tính đến ngày 19/11/2019 với tổng số tiền 555.391.461 đồng (trong đó, vốn gốc là 170.100.000 đồng). Đồng thời, yêu cầu ông K, bà T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày 19/11/2019 cho đến ngày ông K, bà T trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông K và bà T không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác

gắn liền với đất số M 123738, diện tích 29.851m², thuộc thửa số 369, 375 và 404; tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Nguyễn T, xã Đ, huyện D, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là Ủy ban nhân dân huyện D), tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Hồ Văn K ngày 28/7/1998, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/HĐTC ngày 27/7/2011 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh huyện D với ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị T.

2/- Tại tờ tường trình ngày 25/3/2019, cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Hồ Văn K trình bày:

Giai đoạn năm 2003, chủ trương của Chính phủ về việc quy hoạch sản xuất lúa, tôm và chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản. Do có nhu cầu vay vốn để nuôi tôm nên ông có đến Ngân hàng N – Chi nhánh huyện D vay 170.000.000 đồng và Ngân hàng đã giải ngân trong 03 lần. Từ khi nuôi tôm đến nay làm ăn không hiệu quả, ông không còn khả năng nuôi tôm do không còn vốn. Ông có nhận được thông báo về việc Ngân hàng khởi kiện khoản vốn vay 170.000.000 đồng lúc trước, hiện nay lãi phát sinh là 317.247.548 đồng. Nhiều năm nay ông không được đại diện Ngân hàng khảo sát mô hình nuôi tôm của gia đình ông, ông cũng không nhận được thông báo đến kỳ đóng lãi nên ông nghĩ Nhà nước đã khoan nợ và tạo điều kiện cho ông yên tâm công tác, ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa, ông Hồ Hữu P - Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Hồ Văn K và ông Phúc cũng là người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thị Cẩm H, chị Hồ Thị Phi Y, chị Hồ Thị Phi V, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Mỹ P, chị Hồ Thị Ngọc Q, chị Hồ Thị Mỹ N, anh Hồ Quang S và anh Cao Hoài N trình bày:

Ông đề nghị Tòa án đưa anh Quách Thanh P là con rể của ông Hồ Văn K, địa chỉ: xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (anh P là chồng của chị Hồ Thị Ngọc T, chị T là con của ông K) vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông Phúc cho rằng: Mặc dù anh P và chị T đã ly hôn với nhau bằng một Quyết định của Tòa án vào năm 2018. Tuy nhiên, trước đây vào năm 2014, ông K có thỏa thuận bằng lời nói (không có lập thành văn bản) là có bán cho anh P một phần diện tích đất có căn nhà mà ông K đang ở hiện nay, diện tích này hiện nay ông K đang thế chấp tại Ngân hàng. Ông thừa nhận là vợ chồng ông K, bà T có ký kết với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện D 03 Hợp đồng tín dụng nêu trên mà phía người đại diện Ngân hàng đã nêu. Thừa nhận đến thời điểm hiện nay ông K, bà T còn nợ tiền vốn vay của Ngân hàng là 170.100.000 đồng. Tuy nhiên, các chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chưa đảm bảo đúng theo quy định, theo ông thì phía Ngân hàng không có thẩm quyền tự sao y các văn bản. Phía hộ ông K trong khoảng thời gian dài không được phía Ngân hàng liên hệ yêu cầu thanh toán nợ và cũng không nhận văn bản chính thức nào thể hiện về nợ lãi. Về phía Ngân hàng chưa thực hiện đúng theo hợp đồng tín dụng, tại sao phía bị đơn ông K đã vi phạm hợp đồng (không thanh toán nợ gốc và lãi) mà Ngân hàng vẫn tiếp tục thực hiện việc cho bị đơn ông K, bà T ký lại các hợp đồng vay mới. Do Ngân hàng không liên hệ việc thanh toán nợ trong khoảng thời gian dài nên phía bị đơn cũng không biết để thực hiện, việc này xuất phát từ lỗi của Ngân

hàng. Theo quy định của pháp luật khi khách hàng thanh toán xong nợ của Hợp đồng tín dụng này thì Ngân hàng mới cho khách hàng ký hợp đồng vay mới. Việc Ngân hàng cho bị đơn ông K ký lại hợp đồng vay vốn mới thì phía ông K không biết là đã còn thiếu tiền lãi của hợp đồng cũ. Do đó, nếu Ngân hàng đồng ý thì phía bị đơn đồng ý thanh toán số tiền vốn vay là 170.100.000 đồng trong vòng 03 tháng và khoản tiền lãi đối với Hợp đồng thứ 3 tính từ khi vay đến cuối năm 2012. Tuy nhiên, việc tính lãi suất phải dựa trên quy định bằng 01 văn bản có giá trị pháp lý. Đối với 02 khoản tiền lãi của 02 Hợp đồng tín dụng số: 23CJ01/HĐTD ngày 02/12/2003 và số: 29CJ36/HĐTD ngày 28/12/2009 thì bị đơn không đồng ý thanh toán cho Ngân hàng, vì khi ký lại hợp đồng mới bị đơn nghĩ rằng mình đã thanh toán xong tiền lãi trước đó. Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp, thì bị đơn đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với 02 thửa 369 và 404, còn đối với thửa đất số 375 trong đó có một phần diện tích có căn nhà của ông K, bà T và các con của ông K đang ở thì ông đề nghị Tòa án đưa con rể của ông K như ông đã nêu trên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 05/2019/QĐ-SCBSBA ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Sóc Trăng, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 92, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 471, 474 và 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, các điều 317, 318, 319, 323, 357, 463, 466 và 468, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự 2015; Án lệ số 08/2016/AL ngày 07/10/2016 được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Các điều 7, 8, 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Điều 167 và Điều 188 của Luật đất đai; khoản Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 1, Điều 2 của Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 2 Luật người cao tuổi; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

2. Buộc bị đơn ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 19/11/2019 là 555.391.461 đồng (Trong đó tiền vốn gốc 170.100.000 đồng; tiền lãi trong hạn và quá hạn là 385.291.461 đồng của các hợp đồng tín dụng sau:

2.1. Hợp đồng tín dụng số: 23CJ01/HĐTD ngày 02/12/2003, số tiền gốc: 00 đồng, số tiền lãi là 163.692.704 đồng;

2.2. Hợp đồng tín dụng số: 29CJ36/HĐTD ngày 28/12/2009, số tiền gốc: 100.000 đồng, số tiền lãi là 36.998.590 đồng;

2.3. Hợp đồng tín dụng số: 117J03/27/HĐTD ngày 27/7/2011, số tiền gốc: 170.000.000 đồng, số tiền lãi là 184.600.167 đồng.

3. Kể từ ngày 20/11/2019 ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông K, bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

4. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị T phải tự nguyện trả số tiền nêu trên; Nếu ông K, bà T không tự nguyện trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số M 123738, diện tích 29.851m², thuộc thửa số 369, 375 và 404; tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Nguyễn T, xã Đ, huyện D, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là Ủy ban nhân dân huyện D), tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Hồ Văn K ngày 28/7/1998 và tài sản gắn liền với đất, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/HĐTC, ngày 27/7/2011 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh huyện D, tỉnh Sóc Trăng với ông Hồ Văn K, bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 05/12/2019, Ông Hồ Hữu P là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Hồ Văn K và người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thị Cẩm H, chị Hồ Thị Phi Y, chị Hồ Thị Phi V, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Mỹ P, chị Hồ Thị Ngọc Q, chị Hồ Thị Mỹ N, anh Hồ Quang S và anh Cao Hoài N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 về “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với lý do:

- Trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã cố tình bỏ qua luận cứ của phía bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Người đại diện theo ủy quyền) yêu cầu xem xét, thu thập và đề nghị phía nguyên đơn cung chứng cứ là bảng kê tính lãi hợp pháp được trình bày tại phiên tòa xét xử công khai để chứng minh cơ sở pháp lý yêu cầu bị đơn trả lãi;

- Bản án ghi nhận không đầy đủ ý chí nguyện vọng, lời trình bày có căn cứ của bị đơn và người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Người đại diện theo ủy quyền) về việc xác định tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng, lời khai được bổ sung của các đương sự mà Tòa án thu thập, ghi nhận trong trạng thái tinh thần do nhân viên của Ngân hàng động viên, hứa hẹn theo phương thức trả nợ.

Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tính lãi nhưng không cung cấp chứng cứ hợp pháp.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn ông Hồ Văn K và người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thị Cẩm H, chị Hồ Thị Phi Y, chị Hồ Thị Phi V, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Mỹ P, chị Hồ Thị Ngọc Q, chị Hồ Thị Mỹ N, anh Hồ Quang S và anh Cao Hoài N do ông Hồ Hữu P đại diện theo ủy quyền giữ nguyên nội dung kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hồ Văn K và người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thị Cẩm H, chị Hồ Thị Phi Y, chị Hồ Thị Phi V, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Mỹ P, chị Hồ Thị Ngọc Q, chị Hồ Thị Mỹ N, anh Hồ Quang S và anh Cao Hoài N do ông Hồ Hữu P đại diện theo ủy quyền và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn ông Hồ Văn K và người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thị Cẩm H, chị Hồ Thị Phi Y, chị Hồ Thị Phi V, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Mỹ P, chị Hồ Thị Ngọc Q, chị Hồ Thị Mỹ N, anh Hồ Quang S và anh Cao Hoài N do ông Hồ Hữu P đại diện theo ủy quyền là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Cẩm H, chị Hồ Thị Phi Y, chị Hồ Thị Phi V, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Mỹ P, chị Hồ Thị Ngọc Q và anh Cao Hoài N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[III] Về nội dung:

[1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trong quá trình giải quyết vụ án các bên thừa nhận. Do có nhu cầu vay vốn để nuôi tôm nên ông Hồ Văn K

và bà Nguyễn Thị T có ký với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D, tỉnh Sóc Trăng (gọi tắt là Ngân hàng) các hợp đồng tín dụng sau:

[1.1] Hợp đồng tín dụng số: 23CJ01/HĐTD ngày 02/12/2003, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày 13/12/2003. Hạn mức mức tín dụng (cho vay) là: 170.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 13.8%/năm, lãi suất quá hạn 16,56%/năm. Đối với hợp đồng này, khi đến hạn thanh toán vốn gốc thì phía bị đơn ông K, bà T chưa có khả năng thanh toán nên phía Ngân hàng có tạo điều kiện cho ông K, bà T gia hạn thêm thời gian trả nợ gốc và lãi vào ngày 05/12/2005, nhưng qua hết thời gian gia hạn thì phía bị đơn vẫn chưa có khả năng thanh toán nợ.

[1.2] Cho nên để tránh việc vốn vay chuyển sang nợ xấu, Ngân hàng đã cho bị đơn ký lại Hợp đồng tín dụng mới số: 29CJ36/HĐTD vào ngày 28/12/2009, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 28/12/2009. Hạn mức mức tín dụng (cho vay) là: 170.000.000 đồng (số tiền này là lấy từ số tiền vốn 170.000.000 đồng của Hợp đồng tín dụng vào ngày 02/12/2003 chuyển sang), lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn 15.6%/năm. Tuy nhiên, sau khi Ngân hàng cho phía bị đơn ký kết lại hợp đồng tín dụng nêu trên và sau khi đến hạn thanh toán cuối cùng của hợp đồng tín dụng này thì bị đơn vẫn không thực hiện được việc trả nợ cho Ngân hàng.

[1.3] Ngân hàng tiếp tục tạo điều kiện cho bị đơn ký lại Hợp đồng tín dụng số: 117J03/27/HĐTD ngày 27/7/2011, Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 27/7/2011. Hạn mức tín dụng (cho vay) là: 250.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 20%/năm, lãi suất quá hạn 26%/năm để tránh nợ quá hạn. Tuy nhiên, số tiền vốn vay thực tế của hợp đồng này là chuyển số tiền vốn vay 170.000.000 đồng từ Hợp đồng tín dụng đã ký vào năm 2009 sang.

[2] Quá trình thực hiện 03 hợp đồng trên, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với bị đơn để thanh toán nợ gốc và lãi đối với các hợp đồng tín dụng nêu trên nhưng cho đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng. Tính đến 19/11/2019, ông K và bà T còn nợ:

* Hợp đồng tín dụng số: 23CJ01/HĐTD ngày 02/12/2003, dư nợ: 0 đồng, lãi trong hạn: 0 đồng, lãi quá hạn:

- Từ ngày 12/06/2005 đến ngày 28/12/2009: 1660 ngày x 170.000.000 đồng x 20.88% = 163.676.000 đồng,

- Từ ngày 28/12/2009 đến ngày 27/07/2010: 576 ngày x 50.000 đồng x 20.88% = 16.704 đồng,

Tổng cộng lãi là 163.692.704 đồng;

* Hợp đồng tín dụng số: 29CJ36/HĐTD ngày 28/12/2009, dư nợ: 100.000 đồng, lãi:

- Lãi trong hạn từ ngày 28/12/2009 đến ngày 25/12/2010: 362 ngày x 170.000.000 đồng x 12% = 20.513.333 đồng,

- Lãi quá hạn:

+ Từ ngày 25/12/2010 đến ngày 04/08/2011: 222 ngày x 170.000 đồng x 15,60% = 16.354.000 đồng,

+ Từ ngày 04/8/2011 đến ngày 19/11/2019: 3029 ngày x 100.000 đồng x 15,60% = 131.257 đồng,

Tổng cộng gốc và lãi là 37.098.590 đồng;

* Hợp đồng tín dụng số: 117J03/27/HĐTD ngày 27/7/2011, dư nợ: 170.000.000 đồng, lãi:

- Lãi trong hạn:

+ Từ ngày 04/8/2011 đến ngày 22/8/2014: 1114 ngày x 170.000.000 đồng x 20%/năm = 105.211.111 đồng,

+ Từ ngày 22/8/2014 đến ngày 17/9/2014: 26 ngày x 170.000.000 đồng x 8,50%/năm = 1.043.611 đồng,

+ Từ ngày 17/9/2014 đến ngày 10/11/2014: 54 ngày x 170.000.000 đồng x 8%/năm = 2.040.000 đồng,

+ Từ ngày 10/11/2014 đến ngày 25/7/2015: 257 ngày x 170.000.000 đồng x 7%/năm = 8.495.278 đồng,

- Lãi quá hạn: Từ ngày 25/7/2015 đến ngày 19/11/2019: 1578 ngày x 170.000.000 đồng x 9,10%/năm = 67.810.167 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là 354.600.167 đồng

Như vậy, tổng cộng nợ gốc, lãi của 03 hợp đồng nêu trên tính đến ngày 19/11/2019 là: 555.391.461 đồng.

[3] Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông K và bà T có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/HĐTC ngày 27/7/2011 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D, tỉnh Sóc Trăng với ông K và bà T, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số M 123738, diện tích 29.851m², thuộc thửa số 369, 375 và 404; tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Nguyễn T, xã Đ, huyện D, tỉnh Sóc Trăng (do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là Ủy ban nhân dân huyện D), tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Hồ Văn K .

[4] Ngoài ra, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D, tỉnh Sóc Trăng còn thực hiện việc giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng nuôi tôm và cá tra theo các công văn số 315/NHNo-KHTH.ST, ngày 22/8/2014; số 348/NHNo-KHTH.ST, ngày 17/9/2014 và số 402/NHNo-KHTH.ST, ngày 10/11/2014 của Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng.

[5] Mặc khác, tại tờ tường trình ngày 25/03/2019 (BL số 53) của ông K và vợ bà Nguyễn Thị T cũng như biên bản lấy lời khai đương sự ngày 11/11/2019 (BL số 238) của Tòa án thì ông K đều thừa nhận nợ ngân hàng số tiền trên như Ngân hàng khởi kiện.

[6] Những tình tiết, sự kiện nêu tại [1], [2], [3], [4] và [5] được các bên thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[7] Theo khởi kiện và Tại bản án sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019, đã quyết định buộc ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị T hoàn trả hết số nợ gốc và lãi phát sinh tại các hợp đồng tín dụng nêu trên cho Ngân hàng tính đến ngày 19/11/2019 với tổng số tiền 555.391.461 đồng (trong đó, vốn gốc là 170.100.000 đồng). Đồng thời, yêu cầu ông K, bà T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày 19/11/2019 cho đến ngày ông K, bà T trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông K và bà T không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số M 123738, diện tích 29.851m², thuộc thửa số 369, 375 và 404; tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Nguyễn T, xã Đ, huyện D, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là Ủy ban nhân dân huyện D), tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Hồ Văn K ngày 28/7/1998, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/HĐTC ngày 27/7/2011 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh huyện D với ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị T là có căn cứ.

[8] Xét kháng cáo của ông Hồ Hữu P là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Hồ Văn K và người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thị Cẩm H, chị Hồ Thị Phi Y, chị Hồ Thị Phi V, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Mỹ P, chị Hồ Thị Ngọc Q, chị Hồ Thị Mỹ N, anh Hồ Quang S và anh Cao Hoài N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 và đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tính lãi nhưng không cung cấp chứng cứ hợp pháp. **Xét thấy,**

[8.1] Cả 03 hợp đồng tín dụng số 23CJ01/HĐTD ngày 02/12/2003, số 29CJ36/HĐTD ngày 28/12/2009 và số 117J03/27/HĐTD ngày 27/7/2011 thì tại điểm c, đ khoản 6.2 Điều 5 của các hợp đồng tín dụng bên B (ông K và bà T) có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng, chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng các thỏa thuận về việc trả nợ vay. Như vậy cả 03 hợp đồng trên Ngân hàng tính lãi theo thỏa thuận của các bên và phía Ngân hàng có gia hạn hợp đồng tín dụng lần thứ nhất, có giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng nuôi tôm và cá tra cho ông K và bà T hợp đồng tín dụng thứ ba từ lãi trong hạn 20%/năm xuống lần lượt còn 8,5%/năm, 8%/năm và 7%/năm là có lợi cho phía bị đơn.

[8.2] Tại biên bản làm việc ngày 18/7/2017 của Ngân hàng đối với ông K, thì ông K có trình bày: “Tôi đã nhận được thông báo về việc khoan nợ theo Quy định 540 của Chính phủ và hiểu rõ quyền lợi của mình. Tôi đã biết về việc phải trả nợ trước 30/7/2017 để được hỗ trợ lãi trong 03 năm. Trường hợp kết thúc khoan nợ tôi không hoàn trả được nợ vay, tôi sẽ tự trả các khoản lãi của Ngân hàng (kể cả lãi trong thời gian khoan)” và tại biên bản về việc cam kết, xử lý thu hồi nợ vay tháng 8/2017 tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D thì ông K trình bày: “Tôi xin

cam kết chậm nhất ngày 09/11/2017 tôi sẽ trả tất nợ cho Ngân hàng. Nếu không làm đúng cam kết tôi đồng ý giao tài sản cho Ngân hàng phát mãi tài sản”.

[9] Từ phân tích và nhận định nêu trên, theo kháng cáo của ông Hồ Hữu P là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Hồ Văn K và người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thị Cẩm H, chị Hồ Thị Phi Y, chị Hồ Thị Phi V, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Mỹ P, chị Hồ Thị Mỹ N, anh Hồ Quang S và anh Cao Hoài N là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[10] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Hữu P là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Hồ Văn K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thị Cẩm H, chị Hồ Thị Phi Y, chị Hồ Thị Phi V, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Mỹ P, chị Hồ Thị Mỹ N, anh Hồ Quang S và anh Cao Hoài N, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm bị kháng cáo là chưa đủ căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[11] Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên:

- Ông Hồ Văn K là người cao tuổi, nên ông Hồ Văn K được miễn nộp án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Hồ Thị Cẩm H, chị Hồ Thị Phi Y, chị Hồ Thị Phi V, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Mỹ P, chị Hồ Thị Mỹ N, anh Hồ Quang S và anh Cao Hoài N mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Hữu P là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Hồ Văn K và người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thị Cẩm H, chị Hồ Thị Phi Y, chị Hồ Thị Phi V, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Mỹ P, chị Hồ Thị Mỹ N, anh Hồ Quang S và anh Cao Hoài N.

2/. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 05/2019/QĐ-

SCBSBA ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Sóc Trăng, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 92, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự năm 2005, các điều 317, 318, 319, 323, 357, 463, 466 và 468, 500 và 502 của Bộ luật dân sự 2015; Án lệ số 08/2016/AL ngày 07/10/2016 được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Các điều 7, 8, 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Điều 167 và Điều 188 của Luật đất đai; khoản Điều đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 1, Điều 2 của Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 2 Luật người cao tuổi; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

2. Buộc bị đơn ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 19/11/2019 là 555.391.461 đồng (Trong đó tiền vốn gốc 170.100.000 đồng; tiền lãi trong hạn và quá hạn là 385.291.461 đồng của các hợp đồng tín dụng sau:

2.1. Hợp đồng tín dụng số: 23CJ01/HĐTD ngày 02/12/2003, số tiền gốc: 00 đồng, số tiền lãi là 163.692.704 đồng;

2.2. Hợp đồng tín dụng số: 29CJ36/HĐTD ngày 28/12/2009, số tiền gốc: 100.000 đồng, số tiền lãi là 36.998.590 đồng;

2.3. Hợp đồng tín dụng số: 117J03/27/HĐTD ngày 27/7/2011, số tiền gốc: 170.000.000 đồng, số tiền lãi là 184.600.167 đồng.

3. Kể từ ngày 20/11/2019 ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông K, bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

4. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị T phải tự nguyện trả số tiền nêu trên; Nếu ông K, bà T không tự nguyện trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng N có

quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số M 123738, diện tích 29.851m², thuộc thửa số 369, 375 và 404; tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Nguyễn T, xã Đ, huyện D, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là Ủy ban nhân dân huyện D), tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Hồ Văn K ngày 28/7/1998 và tài sản gắn liền với đất, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/HĐTC, ngày 27/7/2011 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh huyện D, tỉnh Sóc Trăng với ông Hồ Văn K, bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 900.000 đồng (*Chín trăm ngàn đồng*), số tiền này do Ngân hàng N đã nộp tạm ứng theo phiếu thu số T13 ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, ông K, bà T phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 900.000 đồng.

6. Về án phí sơ thẩm:

- Bị đơn ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị T được miễn toàn bộ tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.744.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000694 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

7. Về án phí phúc thẩm:

7.1. Bị đơn ông Hồ Văn K được miễn toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

7.2. Những người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thị Cẩm H, chị Hồ Thị Phi Y, chị Hồ Thị Phi V, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Mỹ P, chị Hồ Thị Mỹ N, anh Hồ Quang S và anh Cao Hoài N mỗi người phải chịu 2.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000 đồng theo các Biên lai thu số 0009696 (Hồ Thị Cẩm H), 0009697 (Hồ Thị Phi Y), 0009698 (Hồ Thị Phi V), 0009699 (Hồ Thị Ngọc T), 0009700 (Hồ Thị Mỹ P), 0009701 (Hồ Thị Mỹ Quyền), 0009702 (Hồ Thị Mỹ N), 0009703 (Hồ Quang S) và 0009704 (Cao Hoài N) đều do bà Hồ Thị Ngọc Q nộp thay cùng ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, Chị Hồ Thị Cẩm H, chị Hồ Thị Phi Y, chị Hồ Thị Phi V, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Mỹ P, chị Hồ Thị Mỹ N, anh Hồ Quang S và anh Cao Hoài N mỗi người phải nộp thêm 1.700.000 đồng tiền án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

4/. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Hồ Văn Phụng